TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

2. Ông Vũ Văn Quân

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị D, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Năm Ngàn, xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Chị Lê Thị D và anh Phạm Văn T quen biết nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống với nhau tại ấp B, xã T. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, không lo cho gia đình, thường xuyên ăn chơi dẫn đến nợ nần. Giữa vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, từ công việc làm ăn, nuôi dạy con cho đến cách sống, cách sinh hoạt, suy nghĩ đều dẫn đến tranh chấp. Chị D và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải những bất đồng trong cuộc sống để vợ chồng cùng nhau làm ăn, lo tương lai, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng kết quả không thành. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của cả hai bên. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 25/01/2009 và Phạm Đăng K sinh ngày 16/11/2010. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đăng K và giao con chung tên Phạm Hải Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Phạm Văn T: Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh Phạm Văn T.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Phạm Văn T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng

hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lê Thị D và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 25, Quyển số 01/2008, ngày 19/5/2008 nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D trình bày trong thời gian chung sống, giữa chị D và anh T chỉ chung sống có hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không có tinh thần trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn chơi gây ảnh hưởng kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn tranh chấp với nhau. Giữa chị D và anh T đã tự bàn bạc, giải quyết quyết mâu thuẫn nhưng kết quả không tự giải quyết được nên chị D và anh T không còn chung sống với nhau. Mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Vì vậy, D mong nuốn được ly hôn với anh T.

Anh Phạm Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần động viên chị D cân nhắc, suy nghĩ về yêu cầu ly hôn, xem xét tạo điều kiện cho anh T cơ hội sửa chữa để vợ chồng cùng chăm lo gia đình, các con. Tuy nhiên, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn vì chị đã nhiều lần bỏ qua mâu thuẫn, cùng anh T hòa giải, hàn gắn tình cảm để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, lo tương lai nhưng cuối cùng giữa vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không khắc phục được và ngày càng nghiêm trọng. Hiện nay, chị D vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T, không thay đổi quan điểm.

Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Các con của chị D và anh T cũng thống nhất nguyện vọng của chị D, không có ý kiến, yêu cầu gì khi chị D xin ly hôn với anh T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 25/01/2009 và Phạm Đăng K sinh ngày 16/11/2010. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đăng K, đồng ý giao con chung tên Phạm Hải Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Phạm Hải Đ có văn bản nêu nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Cháu Phạm Đăng K có văn bản nêu nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Anh T không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của chị D về con chung. Xét thấy từ khi chị D và anh T sống ly thân, con chung do cả anh T và chị D mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị D về việc chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Đăng K. Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hải Đ.

Chị D và anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung:

Chị Lê Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Đăng K, sinh ngày 16/11/2010. Anh Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hải Đ, 25/01/2009.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị D, anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004538 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã Tân Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh